HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 106/2024/NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1377/KTHT-BTDC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn về thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 411/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 2746/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 149/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng), đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường.

Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới, khu kinh tế - quốc phòng.

Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Chương trình Bố trí dân cư.

3. Phạm vi và đối tượng áp dụng của Nghị quyết này không bao gồm phạm vi và đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021

của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân

1. Hỗ trợ di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ thiên tai

a) Hỗ trợ di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ sau khi hoàn thành việc di dời nhà ở.

b) Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/hộ.

2. Hỗ trợ di chuyển người và tài sản đối với hộ gia đình, cá nhân vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do

a) Hỗ trợ di chuyển người và tài sản đối với hộ gia đình, cá nhân vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do theo dự án, phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và sau khi hoàn thành việc di chuyển người và tài sản.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Hỗ trợ nhà ở

a) Hỗ trợ nhà ở, sửa chữa nhà ở.

Hộ gia đình thuộc các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn mà không còn nơi ở thì được hỗ trợ kinh phí làm nhà ở sau khi hoàn thành.

Hộ gia đình thuộc các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn có nhà bị hư hỏng nặng mà không ở được thì được hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà ở sau khi hoàn thành.

b) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ làm nhà ở: 44 triệu đồng/hộ

Hỗ trợ sửa chữa nhà ở: 22 triệu đồng/hộ

Yêu cầu chất lượng về nhà ở sau khi được hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Hỗ trợ khai hoang (nếu có)

a) Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân có điều kiện khai hoang (địa bàn bố trí, ổn định dân cư còn quỹ đất sản xuất cấp cho hộ gia đình, cá nhân khai hoang), quỹ đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi hoàn thành.

b) Mức hỗ trợ: 22,5 triệu đồng/hộ.

5. Hỗ trợ lương thực

a) Hỗ trợ lương thực cho hộ gia đình, cá nhân chưa tự túc được lương thực trong 12 tháng đầu tại nơi tái định cư (hỗ trợ 03 tháng/lần).

b) Mức hỗ trợ: 15kg gạo tẻ thường/người/tháng *(giá gạo hỗ trợ được tính theo giá công bố của địa phương, giá công bố được lấy theo báo cáo giá thị trường của từng địa phương tại thời điểm phê duyệt dự án).*

6. Hỗ trợ nước sinh hoạt

a) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân tại những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bằng các vật dụng chứa nước *(bồn, téc, lu,...)* làm bằng các vật liệu kim loại, nhựa có dung tích từ 500 lít trở lên; ống dẫn nước; tự làm bể chứa nước dung tích tối thiểu 500 lít; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sau khi hoàn thành việc mua vật dụng chứa nước, mua ống dẫn nước, tự làm bể chứa nước, tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

b) Mức hỗ trợ: 03 triệu đồng/hộ.

7. Hỗ trợ bố trí ổn định dân cư tại chỗ

a) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác và đã hoàn thành việc nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

b) Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng/hộ.

8. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp trong khu rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

Điều 3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất

1. Hỗ trợ địa bàn bố trí ổn định dân cư xen ghép

a) Nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT sau khi phương án bố trí dân cư xen ghép được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã thực hiện các nội dung được hỗ trợ: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất); xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

b) Mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và sau thực hiện xong việc bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo phương án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng/hộ.

Điều 4. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

1. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

a) Ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

2. Phân bổ nguồn vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT; Tài chính; KH và ĐT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên